

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyền
2. Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Văn B

Địa chỉ: ấp 8, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: Trần Công U

Địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2018). Có mặt.

- Bị đơn:

1/ Lê Minh H

2/ Lê Thị S

Cùng địa chỉ: ấp 8, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.
Cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải

quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Trần Công U trình bày:

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2013, nguyên đơn là ông Phan Văn Bình và các bị đơn là vợ chồng ông Lê Minh H và bà Lê Thị S có thỏa thuận xác lập hợp đồng cầm cố tài sản. Nội dung thỏa thuận như sau: các bị đơn cầm cố cho nguyên đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Minh H đứng tên, số tiền cầm cố là 262.500.000 đồng, thời hạn 30 ngày, lãi suất 3%/tháng, có làm hợp đồng cầm cố. Hai bên thỏa thuận kể từ ngày 14/9/2013 nếu các bị đơn không đến đóng lãi chuộc lại tài sản và thanh lý hợp đồng thì nguyên đơn có quyền hóa giá tài sản để thu hồi vốn, các bị đơn không có quyền khiếu nại.

Sau đó, ông H có mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên lại cho vợ là Lê Thị S, nên hiện nguyên đơn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK324279 ngày 27/11/2017 do bà S đứng tên.

Đến nay đã quá thời gian thỏa thuận nhưng các bị đơn không đóng lãi và không chuộc lại tài sản cầm cố, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn là Lê Minh H và Lê Th phải trả cho nguyên đơn số tiền cầm cố là 262.500.000 đồng và lãi suất 1,2%/tháng.

Các bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giao dịch dân sự giữa các đương sự được xác lập trước ngày 01/7/2014, nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đúng với địa chỉ bị đơn cư trú, đồng thời cũng đúng theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng, nay bị đơn đã bỏ nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú thì được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số

04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ kiện theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa nguyên đơn và các bị đơn có thỏa thuận xác lập hợp đồng dân sự có tiêu đề là “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN” nhưng thấy rằng nội dung và bản chất của hợp đồng là hợp đồng vay tài sản, bởi lẽ phía bị đơn có nhận của nguyên đơn với số tiền là 262.500.000 đồng, có quy định thời hạn trả và mức lãi suất 3%/tháng. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định, nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng có ghi là hợp đồng cầm cố tài sản, nhưng thực tế đó là hợp đồng vay tài sản; bên cạnh đó cũng thấy rằng khi xác lập giao dịch, phía bị đơn có giao cho nguyên đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ là căn cứ pháp lý để ghi nhận quyền tài sản, không phải quyền tài sản hay giấy tờ có giá cho nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn giao cho nguyên đơn không phải là đối tượng của hợp đồng cầm cố. Từ đó đã có căn cứ xác định quan hệ pháp luật đây là “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét thấy khi thực hiện hợp đồng vay đến nay, phía bị đơn không thanh toán vốn, lãi cho nguyên đơn cũng không thanh lý hợp đồng, đồng thời các bị đơn đã bỏ địa phương đi nơi khác nhằm trốn nghĩa vụ trả nợ nên phía nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện các bị đơn.

Chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN” ngày 14/8/2013 đã thể hiện rõ số nợ vay và mức lãi suất cũng như thời hạn thanh toán. Mặc dù các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, đến nay các bị đơn cũng không có lời trình bày hoặc văn bản nào phủ nhận lời trình bày của nguyên đơn cũng như số tiền vay. Từ đó đã có căn cứ chứng minh bị đơn có ký nhận vay của nguyên đơn số tiền 262.500.000 đồng là có thật.

Đối với vốn vay 262.500.000 đồng, trong đó số vốn thực chỉ là 150.000.000 đồng, còn lại 112.500.000 đồng là số tiền lãi nhập vào, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không chứng minh được số tiền lãi 112.500.000 đồng là lãi suất gì nhập vào nên không có cơ sở để xác định được số tiền lãi đó là hợp pháp hay không hợp pháp để xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 150.000.000 đồng vốn và tính lãi suất là 1,125%/tháng, tính tròn là 72 tháng lãi; đối với số tiền 112.500.000 đồng tiền lãi phía nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, khi nào có chứng cứ chứng minh sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Xét thấy sự tự nguyện của phía nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được

Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những phân tích trên, cần buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho phía nguyên đơn số tiền vay cụ thể như sau:

Tiền vốn: 150.000.000 đồng

Tiền lãi: $150.000.000đ \times 1,125\% \times 72 \text{ tháng} = 121.500.000đ$.

Tổng cộng vốn và lãi: 271.500.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK324279 ngày 27/11/2017 do bà Lê Thị S đại diện đứng tên, phía bị đơn đã giao cho nguyên đơn để đảm bảo số tiền vay, nhưng thấy rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là đối tượng của hợp đồng cầm cố tài sản, đồng thời việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa cá nhân với cá nhân không được pháp luật cho phép, do đó giao dịch này bị vô hiệu; khi vô hiệu thì phía nguyên đơn đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn phải có trách nhiệm giao trả lại cho bị đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp 5% giá ngạch giá trị tài sản phải trả cho nguyên đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các điều 144, 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 127, 128, 137, 163, 326, 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

Buộc các bị đơn Lê Minh H và Lê Thị S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phan Văn B tổng số tiền là 271.500.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó: vốn 150.000.000đ, lãi 121.500.000đ; phía nguyên đơn có nghĩa vụ giao trả lại cho phía bị đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK324279 ngày 27/11/2017 do bà Lê Thị S đại diện đứng tên.

Về án phí: Ông Lê Minh H và bà Lê Thị S phải nộp 13.575.000đ (Mười ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nguyên đơn được nhận lại 11.030.000đ (Mười một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016927 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468

của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thành Ý